

## NƠI LỒNG CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LÝ ĐỂ QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA DOANH NGHIỆP VÀO CUỘC SỐNG

Nguyễn Đình Tài\*

Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2007/QĐ-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngày 09 tháng 02 năm 2011 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 15/2011/TT-BTC hướng dẫn về thành lập, tổ chức, hoạt động, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, có hiệu lực từ 24/4/2011.

Sự “ra đời” của Thông tư 15 có thể được hiểu là nhiều nội dung của Quyết định 36 đã không thực sự “vào cuộc sống” hay nói cách khác là khó thực hiện. Vì mới có hiệu lực, nên chưa thể đánh giá chính xác Thông tư 15 đã khai thông được những điểm bế tắc của Quyết định 36 chưa, nhưng cảm nhận chung có lẽ là chưa được bao nhiêu. Nội dung văn bản sau có cụ thể hơn văn bản trước về việc trích và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Quỹ). Tuy nhiên “chiếc chần ngăn xoay chiều nào cũng vẫn hở” Do vậy, vấn đề cần được nhìn nhận rộng hơn.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp thuộc sở hữu doanh nghiệp, hình thành chủ yếu từ các nguồn lực tài chính

của doanh nghiệp, các khoản tài trợ tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài doanh nghiệp, trong và ngoài nước và phục vụ cho mục tiêu, yêu cầu phát triển của mỗi doanh nghiệp. Theo Thông tư 15, Quỹ được thành lập để tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và phát triển, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm, hợp lý hoá sản xuất nhằm nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Quỹ là một bộ phận, không có tư cách pháp nhân và trực thuộc doanh nghiệp, do người có thẩm quyền cao nhất của doanh nghiệp (bao gồm: Chủ tịch hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; Chủ tịch hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; Chủ doanh nghiệp tư nhân đối với doanh nghiệp tư nhân hoặc tổng giám đốc, giám đốc đối với doanh nghiệp không có hội đồng quản trị của doanh nghiệp) quyết định thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, bộ máy tổ chức, chỉ đạo và điều hành các hoạt động để phối hợp với cơ quan nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày có quyết định thành lập Quỹ, Doanh nghiệp gửi Quyết định thành lập Quỹ, điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ cho Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đóng trụ sở và cho cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

\* Nguyễn Đình Tài, Phó giáo sư, Tiến sĩ kinh tế, Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Xã hội và Quản lý Doanh nghiệp.

Tiếp đó, Thông tư 15 quy định khá chi tiết việc sử dụng Quỹ từ nguồn trích lập thu nhập tính thuế có kèm theo cả các ví dụ cách tính lãi đối với số thuế thu hồi.

Vấn đề cần bàn ở đây là: (1) *Mức độ quan tâm của các doanh nghiệp đến Quỹ này đến đâu?* (2) *Nếu thực sự quan tâm thì thủ tục đặt ra có làm doanh nghiệp nản lòng?* Và (3) *làm thế nào để tháo gỡ những vướng mắc pháp lý cản trở tính khả thi của Quỹ?*

Dưới đây là những ý kiến xung quanh 3 vấn đề trên.

- *Thứ nhất, có thể thấy rất nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) khu vực tư nhân không mấy quan tâm đến Quỹ này.*

Điều này có thể hiểu được nếu chúng ta làm một phép tính nhỏ như sau. Theo số liệu của Tổ công tác Thi hành Luật doanh nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong năm 2008, vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp khu vực tư nhân trung bình khoảng 3,7 tỷ đồng, lợi nhuận trung bình trước thuế là 258 triệu đồng. Giả sử, mỗi doanh nghiệp khu vực này trích ra 10% lợi nhuận để lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ, thì qui mô trung bình của Quỹ sẽ khoảng 25-26 triệu đồng, một con số rất nhỏ để có thể làm một cái gì cho “ra tầm ra món” cho R&D. Với khoản tiền này mà doanh nghiệp lại muốn hình thành một bộ máy quản lý, điều hành Quỹ, thì bộ máy đó chắc chỉ tồn tại được 3-4 tháng và hầu như ngồi không, không làm gì cả. Điều này có nghĩa là trong số hơn nửa triệu doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (2005), sẽ có vài trăm nghìn doanh nghiệp không quan tâm hoặc không có khả năng lập Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ.

Như vậy, việc hình thành Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp, cho dù Quỹ chỉ là một bộ phận, không có tư cách pháp nhân và trực thuộc doanh nghiệp,

là không khả thi đối với đại bộ phận doanh nghiệp đang hoạt động ở Việt Nam.

Từ quan sát này, có thể thấy sẽ tốt hơn nếu song hành với mô hình Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp như quy định ở Thông tư 15 nên có thêm dạng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ ở dạng “tài khoản”, nghĩa là không có bộ máy quản lý, mà chỉ là một lượng tiền để chi dùng cho mục đích KH&CN, tương tự như trích lập Quỹ Đầu tư phát triển doanh nghiệp hay Quỹ Khen thưởng của doanh nghiệp.

*Thứ hai, nên nới rộng mức trích quỹ để tăng nhanh nguồn lực tài chính và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ.*

Về tỷ lệ trích lập Quỹ, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (2008) đã quy định mức 10% lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, nếu có điều kiện sửa luật, thì đề nghị mức tính thuế không nên đồng đều 10% cho tất cả các loại doanh nghiệp, mà doanh nghiệp có qui mô càng nhỏ thì tỷ lệ được trích lập càng lớn (có thể đến 15- 20%) và ngược lại (với mức tối thiểu 10%). Nếu việc điều chỉnh tỷ lệ trích lập quỹ không khả thi, thì nên kéo thời hạn sử dụng khoản tiền trích này dài hơn 5 năm, có thể là 8-10 năm, vì đối với R&D thời gian 5 năm trong nhiều trường hợp là không đủ.

Hơn nữa, việc nâng mức trần này còn là liệu pháp hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp trong bối cảnh có nhiều khó khăn chung kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như do mức thuế chung còn khá cao hiện nay ở Việt Nam.

- *Thứ ba, nên nới lỏng quy định điều chuyển tiền Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.*

Theo quy định của Thông tư 15, đối với các doanh nghiệp được tổ chức theo mô hình công ty mẹ-con thì đối với các công ty con hoặc doanh nghiệp thành viên còn có thêm phần điều chuyển từ Quỹ Phát triển khoa học

và công nghệ của tổng công ty, công ty mẹ. Ngược lại, đối với tổng công ty hoặc các công ty mẹ thì Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ có thể được bổ sung thêm nguồn điều chuyển từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của các công ty con hoặc doanh nghiệp thành viên. Việc điều chuyển này chỉ áp dụng đối với các công ty con và doanh nghiệp thành viên mà công ty mẹ sở hữu 100% vốn. Đây có lẽ cũng là một quy định quá cứng và hẹp, vì số lượng công ty mẹ sở hữu 100% vốn của các công ty con hay doanh nghiệp thành viên ở Việt Nam chỉ là con số một vài nghìn, một tỷ lệ nhỏ trong công đồng doanh nghiệp.

Vì vậy, nếu lấy tiêu chí để điều chuyển là tỷ lệ sở hữu vốn thì cũng có thể áp dụng phương án tỷ lệ điều chuyển vào Quỹ theo mức góp vốn của tổng công ty, công ty mẹ. Nghĩa là, sở hữu 70%, thì điều chỉnh 70%, sở hữu 80% thì điều chuyển 80%, chẳng hạn.

*- Thứ tư, cần mềm dẻo các nội dung, mức và quy trình hỗ trợ tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.*

Cùng với sự phát triển của KH&CN, yêu cầu cạnh tranh và mở rộng hoạt động của doanh nghiệp, hoạt động phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp sẽ ngày càng đa dạng và mở rộng. Đối tượng chi từ Quỹ là rộng, bao phủ hầu hết các khía cạnh hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể theo Thông tư 15 bao gồm:

a) Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp (xây dựng phòng thí nghiệm, cơ sở thử nghiệm, máy móc trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu và phát triển).

b) Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học

và công nghệ của doanh nghiệp theo quy định của Luật chuyển giao công nghệ.

c) Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

d) Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.

đ) Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất.

e) Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các doanh nghiệp trong nước.

Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập và khuyến khích các doanh nghiệp chuyển giao kết quả và kinh nghiệm KH&CN qua biên giới, cần mở rộng đối tượng chi của Quỹ cả cho các hoạt động đầu tư khoa học và công nghệ của doanh nghiệp với các doanh nghiệp và cơ sở nghiên cứu ngoài lãnh thổ Việt Nam. Chẳng hạn, để đào tạo lao động ở nước ngoài phục vụ chuyển giao công nghệ, thiết bị, sẽ là không hợp lý khi doanh nghiệp không được phép cấp kinh phí từ Quỹ cho các hoạt động tham quan và tập huấn kỹ thuật phục vụ nghiên cứu và chuyển giao KH&CN ở nước ngoài (nhất là trường hợp doanh nghiệp có mua máy móc, thiết bị và công nghệ từ nước ngoài), trong khi ngay cả các đề tài KH&CN từ nguồn NSNN cũng không bị những hạn chế này. Chính vì vậy nên xem lại và có thể bỏ quy định “*Quỹ chỉ được sử dụng cho hoạt động đầu tư KH&CN của doanh nghiệp tại Việt Nam*” tại Thông tư 15.

Thông tư 15/2011/TT-BTC đã có quy định đúng và thoáng là đối với các khoản chi mua tài sản cố định phục vụ hoạt động KH&CN. Đối với khoản chi này, doanh nghiệp ghi giảm Quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao, chỉ mà theo dõi hao mòn

tài sản cố định. Tuy nhiên, vẫn còn các quy định kiểu can thiệp quan liêu vào quy trình quản lý Quỹ đối với các khoản chi cho đề tài, dự án nghiên cứu. Doanh nghiệp cần được toàn quyền chủ động và linh hoạt cấp kinh phí cho mọi đề tài, dự án nghiên cứu và hoạt động khoa học và công nghệ nào mà mình thấy cần thiết và không thuộc phạm vi hoạt động bị cấm bởi pháp luật có liên quan, hoàn toàn không cần phải thông qua bất kỳ một sự cho phép nào của cơ quan quản lý nhà nước. Đề tài, dự án khoa học và công nghệ, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất của doanh nghiệp cũng không cần phải được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học có thẩm quyền xác nhận hoặc phê duyệt, mà chỉ cần doanh nghiệp làm đủ thủ tục đăng ký và báo cáo theo mẫu quy định, cũng như có đủ chứng từ về thủ tục xét duyệt, nghiệm thu, có thể có hay không có hội đồng đánh giá đầu vào, hội đồng đánh giá nghiệm thu kết quả đầu ra.

Cần thấy rằng nếu áp đặt quản lý Quỹ theo kiểu quản lý nhà nước như đối với chi NSNN cho KH&CN như hiện nay, thì dù có sử dụng cả bộ máy công quyền của tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương chứ không chỉ Sở KH&CN và Sở Tài chính (đặc biệt, đối với TP.Hà Nội và TP. HCM những địa phương có hàng trăm nghìn doanh nghiệp đang hoạt động) cũng không thể có đủ nhân lực, thời gian và trình độ, kinh phí cho việc xác nhận, thông qua thủ tục các hoạt động KH&CN của hàng chục, hàng trăm ngàn doanh nghiệp trên địa bàn được. Hơn nữa, sẽ càng khó nếu hoạt động đó diễn ra trên địa bàn của nhiều địa phương.

- Thứ năm, nên mềm hóa quy định về thu hồi phần thuế thu nhập doanh nghiệp từ các khoản tiền trích lập Quỹ mà không sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

Cụ thể, chỉ nên thu hồi thuế thu nhập hoặc buộc xuất toán những khoản chi của Quỹ không sử dụng đúng mục đích thôi, còn dùng không hết sau 5 năm vẫn được kết dư như một khoản tiết kiệm, tích lũy dài hạn của doanh nghiệp. Điều này là cần thiết để tránh việc doanh nghiệp buộc phải biến báo làm giả chứng từ, hoặc cố chi hết cho những mục tiêu chưa cần thiết, trong khi thiếu vốn tích lũy chi cho những hoạt động KH&CN dài hạn, đòi hỏi vốn lớn trong bối cảnh thu nhập của doanh nghiệp có hạn, và chi cho KH&CN ngày càng đắt đỏ, tốn kém và nhiều rủi ro hơn.

*Thứ sáu, cần xem lại tính tương thích giữa Thông tư số 15 và Quyết định số 36.*

Trừ Điều 3 và Điều 7 được thay thế bởi Thông tư 15, các quy định khác tại Quyết định 36 vẫn có hiệu lực áp dụng. Và ở đây, đã xuất hiện những “điểm vênh pháp lý” giữa hai văn bản trên gây khó cho doanh nghiệp. Cụ thể là, Điều 2 Thông tư 15 quy định “...Quỹ là một bộ phận, không có tư cách pháp nhân và trực thuộc doanh nghiệp, do người có thẩm quyền cao nhất của doanh nghiệp chịu trách nhiệm điều hành.”, trong khi Điều 4 Quyết định 36 nói Quỹ có thể được tổ chức dưới một trong hai hình thức: (i) đơn vị độc lập có tư cách pháp nhân trực thuộc doanh nghiệp; (ii) bộ phận không có tư cách pháp nhân thuộc doanh nghiệp. Hay, Điều 3 Thông tư 15 quy định việc điều chuyển Quỹ chỉ áp dụng đối với các công ty con hoặc doanh nghiệp thành viên mà công ty mẹ sở hữu 100% vốn, trong khi Điều 3 Quyết định 36 quy định công ty mẹ quy định tỷ lệ điều chuyển nguồn vốn giữa Quỹ của doanh nghiệp thành viên/công ty con trên cơ sở phát triển khoa học và công nghệ toàn hệ thống. Có thể thấy hai quy định trên của Thông tư 15 “cứng nhắc” hơn so với các quy định tương ứng của Quyết định 36, nếu không

muốn nói là một “bước lùi” gây bất lợi cho doanh nghiệp.

*Thứ bảy, cần khuyến khích mở rộng phối hợp hoạt động giữa các loại Quỹ KH&CN của doanh nghiệp, địa phương và quốc gia.*

Sự cần thiết phải tăng cường phối hợp hoạt động giữa các loại quỹ này được biện minh bởi sự hạn chế của mỗi loại quỹ cả về quy mô nguồn vốn (nhất là đối với các DNNVV), về tính chất và phạm vi hoạt động, đồng thời, còn do tính đa dạng và gắn kết, bổ sung và thống nhất về mục tiêu chung với nhau trong các hoạt động KH&CN, dù cấp quốc gia hay địa phương và doanh nghiệp. Sự phối hợp giữa các quỹ cần được mở rộng và thông qua nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt, như:

+ Cùng tài trợ và chia sẻ lợi ích cho một hoạt động KH&CN của doanh nghiệp, địa phương hay ngành;

+ Tài trợ để tiếp tục đưa kết quả nghiên cứu từ nguồn quỹ quốc gia hay địa phương vào thử nghiệm và thực tiễn sản xuất-kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Tài trợ để thực hiện các đăng ký bản quyền, thương mại hóa và quốc tế hóa, cũng như bảo hộ trong tranh chấp các kết quả nghiên cứu KH&CN của doanh nghiệp.

*Thứ tám, tạo môi trường và phối hợp đồng bộ các giải pháp khác hỗ trợ phát triển KH&CN.*

Từ thực tiễn thế giới và trong nước cho thấy, để tăng cường và nâng cao hiệu quả các hoạt động khoa học nói chung, hoạt động của các loại Quỹ KH&CN nói riêng, Nhà nước cần:

+ Tạo môi trường pháp lý mang tính định hướng và kích thích các hoạt động khoa học công nghệ ở các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu, các trường đại học theo yêu cầu và nguyên tắc thị trường; tạo môi trường

thuận lợi cho đổi mới công nghệ, trong đó có hỗ trợ phát triển nguồn lao động có kỹ năng; khuyến khích sự gắn kết giữa các cơ sở nghiên cứu và các trường đại học trong hoạt động khoa học công nghệ;

+ Thúc đẩy và duy trì cạnh tranh lành mạnh và kiểm soát độc quyền, xoá bỏ những bao cấp, đặc quyền, đặc lợi của các doanh nghiệp nhà nước nhằm tạo sức ép đổi mới công nghệ lên các doanh nghiệp; cần áp dụng hài hòa các nguyên tắc cạnh tranh, đấu thầu thị trường và chỉ định thầu, cũng như tạo thuận lợi tối đa cho mọi thành phần tham gia thầu và đảm nhận các hoạt động khoa học công nghệ, phù hợp với thực tiễn địa phương, đặc điểm của loại hình hoạt động khoa học công nghệ và năng lực thực khoa học thực sự của cá nhân và đơn vị nhận thầu;

+ Sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy định về thị trường khoa học và công nghệ, cũng như thực hiện tốt các quy định về sở hữu trí tuệ phát triển thị trường khoa học – công nghệ và các dịch vụ có liên quan đến chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học-công nghệ, trong đó có dịch vụ tư vấn và thẩm định khoa học-công nghệ; phát triển các thể chế dịch vụ chuyên môn về thị trường khoa học công nghệ như công ty dịch vụ chuyển giao công nghệ, nghiên cứu thị trường...;

+ Sử dụng các công cụ thuế, tín dụng cho doanh nghiệp áp dụng và đầu tư công nghệ mới; thúc đẩy chuyển đổi cơ chế hoạt động của các tổ chức KH & CN, các viện nghiên cứu hoạt động theo cơ chế thị trường;

Thực tế cho thấy, để thành công trong đổi mới và phát triển công nghệ, các doanh nghiệp phải chủ động nghiên cứu thị trường để định hướng các hoạt động đổi mới công nghệ phù hợp với yêu cầu thị trường, xây dựng chiến lược đổi mới công nghệ bao gồm chiến lược đầu tư cho R & D, đẩy mạnh

nghiên cứu công nghệ mới trong doanh nghiệp. Thực hiện chế độ Quỹ khoa học công nghệ là xu thế phát triển chung của thế giới và là một quyết sách chiến lược quan trọng nhằm thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ của Việt Nam, thúc đẩy cải cách thể chế khoa học công nghệ theo chiều sâu và thúc đẩy nguồn vốn khoa học kỹ thuật phân bổ tối ưu nhất. Sự hiện diện của Quỹ sẽ thúc đẩy cơ chế cạnh tranh và hợp tác bình đẳng, vừa tạo áp lực vừa tạo động lực khuyến khích sáng tạo, khắc phục những tồn tại trong phương thức cấp phát hành chính, thực hiện phân bổ tối ưu các yếu tố sản xuất mang tính trí tuệ, không ngừng thúc đẩy việc xây dựng và phát triển thể chế khoa học công nghệ phù hợp với nền kinh tế

thị trường, cũng như phù hợp với quy luật phát triển khoa học công nghệ./.

---

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Quyết định số 36/2007/QĐ-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.
- Thông tư số 15/2011/TT-BTC, ngày 09 tháng 02 năm 2011, của Bộ Tài chính Hướng dẫn về thành lập, tổ chức, hoạt động quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.